

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng
2. Bà Huỳnh Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông Lin Tzu Y, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường H, khu S, Đ, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé C trình bày:

Qua mai mối bà và ông Lin Tzu Y (gọi tắt là ông Y) quen biết nhau và tiến tới hôn nhân. Hai người có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131, quyển số 01 ngày 01/4/1998. Quá trình chung sống hai người sinh được 02 đứa con trai, một cháu tên là Lâm Gia H, sinh ngày 25/8/2001 hiện đang sống với ông Y bên Đài Loan; cháu còn lại là Lâm Gia Q sinh ngày 07/5/2006 hiện tại đang sống cùng mẹ tại Việt Nam. Suốt quá trình chung sống bà thường xuyên ở Việt Nam, cụ thể sáu tháng ở Việt Nam, sáu tháng ở Đài Loan. Đến năm 2007 khi bà chuyển luôn về Việt Nam làm ăn và công việc làm ăn bị

thất bại thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cũng kể từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Từ đó đến nay ông Y không liên lạc với bà. Bà nhận thấy giữa hai người không còn tình cảm với nhau nên xin được ly hôn với ông Y. Về con chung: Bà C xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Gia Q và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đồng ý để cháu Lâm Gia H tiếp tục sống với ông Y. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lin Tzu Y vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé C vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn ông Y vắng mặt mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông, cũng như đăng tin vụ việc trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về Nội dung: Nguyên đơn và bị đơn sống tại hai quốc gia khác nhau, không có điều kiện chăm sóc lẫn nhau cũng như đã không còn liên lạc với nhau nên không thể hòa giải hay hàn gắn được. Trên thực tế hôn nhân đã không còn tồn tại, chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung, từ lúc về Việt Nam đến nay cháu Lâm Gia Q đã sống với mẹ và để tránh làm xáo trộn về mặt tinh thần, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu nên cần giao cháu Q để nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn và tiếp tục để cháu Q cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Bà Nguyễn Thị Bé C và Lin Tzu Y (gọi tắt là ông Y) xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ, điều chỉnh khi có yêu cầu.

Bị đơn ông Y đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng, cũng như đăng thông tin vụ việc lên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng ông Y vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Y là người mang quốc tịch Đài Loan và đang định cư tại Đài Loan nên đơn xin ly hôn của bà C được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua mai mối và tìm hiểu bà C và ông Y tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1998. Sau khi kết hôn thì ông, bà có quá trình chung sống tương đối dài. Tuy nhiên đến năm 2007 khi bà C về Việt Nam làm ăn và công việc làm ăn bị thất bại thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và dần trở nên trầm trọng không thể khắc phục được. Tính đến nay đã là 13 năm hai người đã không gặp mặt hay liên lạc với nhau và bà C cho rằng không còn tình cảm gì với ông Y và ngược lại. Qua những căn cứ nêu trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại về mặt pháp lý, trên thực tế thì quan hệ hôn nhân này đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly xin ly hôn của bà C là có căn cứ để Tòa án xem xét và chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bé C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Gia Q, sinh ngày 07/5/2006; đồng ý để cháu Lâm Gia H, sinh ngày 25/8/2001 tiếp tục sống với cha, Hội đồng xét xử nhận thấy; hai người có hai con chung như bà C trình bày và hiện tại cháu Q đang sống cùng mẹ tại Việt Nam và cháu H đang sống cùng cha bên Đài Loan. Để đảm bảo mọi mặt và không làm thay đổi, ảnh hưởng cuộc sống hiện tại của hai cháu, cũng như theo nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ của cháu Q thể hiện tại biên bản làm việc ngày 13/7/2020 nên yêu cầu của bà C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và để cháu H tiếp tục sống với cha trong trường hợp này là phù hợp theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung thì nhận thấy: Bà C trình bày là bà và ông Y không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét các mối quan hệ này.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 37, Điều 153, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 6 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 121, khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bé C được ly hôn với ông Lin Tzu Y.

Về con chung: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bé C tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lâm Gia Q, sinh ngày 07/5/2006; ông Lin Tzu Y được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lâm Gia H, sinh ngày 25/8/2001.

Về tài sản chung và nợ chung: Giữa bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lin Tzu Y không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bé C phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tại trang <http://vovworld.vn/> bà C đã nộp và thực hiện xong.

Bà C phải chịu 200.000 đồng lệ phí Ủy thác tư pháp. Được trừ tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0003597 ngày 11/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà C đã nộp xong lệ phí.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm hôn nhân đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số thu số 001285 ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lin Tzu Y có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- Cục THA. TPCT;
- Lưu (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Trí Dũng